



KỶ THỰC HÀNH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2024-2025
ĐỒNG THỊ: TÂY NINH

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh		
1	130001	NGUYỄN TRẦN KIM AI	Nữ	17/03/2009	8.70	8.30	7.40	7.30	7.93	8.00	8.00	4.00	0.0	16.38
2	130002	NGUYỄN BẢO AN	Nam	23/10/2009	7.60	7.60	7.10	7.10	7.35	5.25	3.75	3.00	1.5	12.10
3	130003	NGUYỄN GIA AN	Nam	28/08/2009	6.10	5.50	5.20	5.70	5.63	0.75	1.00	2.50	0.0	4.66
4	130004	NGUYỄN THỊ THÚY AN	Nữ	22/03/2009	8.90	8.30	8.50	8.80	8.63	7.00	8.00	8.50	0.0	19.04
5	130005	PHÙNG THỊ HOÀI AN	Nữ	18/08/2009	6.50	6.30	5.70	6.30	6.20	3.00	2.25	3.25	0.0	7.81
6	130006	TRẦN GIA AN	Nữ	26/11/2009	9.60	9.40	9.30	9.20	9.38	7.50	6.50	7.00	0.0	17.51
7	130007	VÕ THÚY AN	Nữ	06/05/2009	6.50	7.60	6.80	7.30	7.05	5.25	2.50	2.75	0.0	9.47
8	130008	DƯƠNG ĐỨC ANH	Nam	31/08/2009	6.30	7.10	5.90	6.60	6.48	1.25	2.75	1.75	0.0	5.97
9	130009	DƯƠNG THỊ HỒNG ANH	Nữ	11/03/2009	9.40	8.80	9.00	9.30	9.13	6.75	6.00	5.00	0.0	15.16
10	130010	ĐÀO TRẦN BẢO ANH	Nữ	02/02/2009	7.50	7.90	7.60	8.10	7.78	6.25	4.50	5.00	0.0	13.36
11	130011	LÊ HUYỀN ANH	Nữ	10/05/2009	6.80	6.80	7.00	6.70	6.83	5.00	4.75	2.75	0.0	10.80
12	130012	LÊ THỊ THU ANH	Nữ	10/03/2009	8.00	7.70	6.90	7.00	7.40	4.00	3.00	4.00	0.0	9.92
13	130013	NGUYỄN HOÀNG MINH ANH	Nam	27/04/2009	7.50	6.80	6.70	6.90	6.98	3.50	2.00	2.25	0.0	7.52
14	130014	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	Nữ	09/11/2009	7.10	7.40	7.10	7.60	7.30	4.75	3.50	4.00	0.0	10.77
15	130015	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	Nữ	20/04/2009	9.10	9.20	8.60	8.70	8.90	7.75	7.00	10.00	0.0	19.99
16	130016	NGUYỄN TRẦN DUY ANH	Nam	24/07/2009	8.00	7.50	8.40	8.30	8.05	5.75	6.25	8.00	0.0	16.42
17	130017	PHẠM HOÀNG VÂN ANH	Nữ	05/02/2009	8.40	8.60	7.50	7.80	8.08	5.50	3.25	4.50	0.0	11.70
18	130018	PHẠM MINH ANH	Nữ	02/12/2009	6.10	6.80	6.70	7.00	6.65	3.50	2.25	3.75	0.0	8.65
19	130019	PHẠM THÁI QUỲNH ANH	Nữ	29/06/2009	6.90	7.60	7.30	8.50	7.58	6.50	6.50	7.75	0.0	16.80
20	130020	PHAN THỊ KIM ANH	Nữ	27/09/2009	8.90	8.50	9.00	9.30	8.93	7.50	9.00	7.50	0.0	19.48
21	130021	VÕ THỊ TRÂM ANH	Nữ	19/05/2009	8.60	8.00	8.10	8.50	8.30	7.75	7.00	7.00	0.0	17.72
22	130022	NGUYỄN HỒNG ANH	Nữ	13/02/2009	7.40	7.00	6.30	6.90	6.90	5.25	5.00	2.75	0.0	11.17



BẢNG CHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh		
23	130023	NGUYỄN KIM ANH	Nữ	13/02/2009	7.60	7.40	6.80	7.50	7.33	6.75	4.50	3.00	0.0	12.17
24	130024	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀNG AN	Nam	22/09/2009	7.00	6.90	6.90	7.20	7.00	4.50	5.00	4.75	0.0	12.08
25	130025	DƯƠNG GIA BẢO	Nam	21/09/2009	5.00	5.90	5.70	6.30	5.73	3.00	3.75	2.75	0.0	8.37
26	130026	GIAO GIA BẢO	Nam	11/11/2009	6.50	6.40	6.40	6.60	6.48	3.00	4.00	2.25	0.0	8.42
27	130027	VÕ QUỐC BẢO	Nam	11/02/2009	8.50	8.40	8.60	8.70	8.55	6.00	6.00	5.00	0.0	14.47
28	130028	NGUYỄN DUY BÂY	Nam	02/03/2009	7.70	7.60	7.00	6.50	7.20	2.00	0.25	3.50	0.0	6.18
29	130029	PHAN KHANH BĂNG	Nữ	07/01/2009	7.10	6.50	7.40	6.80	6.95	2.25	3.00	2.25	0.0	7.33
30	130030	ĐINH HỮU BĂNG	Nam	31/07/2009	7.90	7.80	6.90	7.00	7.40	6.00	5.75	3.25	0.0	12.72
31	130031	SON NGỌC BÌNH	Nam	14/07/2009	6.70	7.30	7.40	7.30	7.18	5.00	5.50	3.00	1.0	12.60
32	130032	TRƯƠNG THỊ KIM CHÍ	Nữ	15/06/2009	7.90	7.60	7.20	7.00	7.43	4.00	4.25	3.50	0.0	10.45
33	130033	SÛ HOÀI CHÍ	Nam	30/11/2009	7.90	7.40	7.20	6.00	7.13	5.50	3.25	2.25	0.0	9.84
34	130034	NGUYỄN VĂN CHƯÔNG	Nam	05/02/2009	9.00	8.70	8.70	8.40	8.70	4.75	6.50	5.25	0.0	14.16
35	130035	NGUYỄN NGỌC DIỆU	Nữ	30/08/2009	6.00	6.00	5.50	5.90	5.85	4.00	2.00	2.00	0.0	7.35
36	130036	TRẦN THỊ MỸ DUNG	Nữ	01/09/2009	8.00	8.40	7.70	8.10	8.05	5.25	4.75	4.00	0.0	12.22
37	130037	CAO HAI TRƯỜNG DUY	Nam	17/04/2009	7.60	6.30	6.00	6.80	6.68	3.50	2.00	2.75	0.0	7.78
38	130038	ĐẶNG MINH DUY	Nam	14/09/2009	7.20	7.50	7.10	7.60	7.35	5.50	4.00	2.25	0.0	10.43
39	130039	ĐẶNG TRƯỜNG DUY	Nam	19/07/2009	7.20	7.40	6.90	8.20	7.43	7.00	4.50	2.25	0.0	11.85
40	130040	LÊ ĐÌNH DUY	Nam	28/10/2009	6.70	6.80	6.50	6.80	6.70	5.50	4.50	2.25	0.0	10.58
41	130041	NGUYỄN PHẠM ĐỨC DUY	Nam	19/09/2009	8.90	8.40	7.70	8.10	8.28	5.50	6.25	7.00	0.0	15.61
42	130042	TRƯƠNG VĂN DUY	Nam	16/06/2009	6.00	6.90	5.90	6.20	6.25	3.50	0.50	2.25	0.0	6.25
43	130043	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	Nữ	19/09/2009	6.20	6.20	6.10	6.80	6.33	4.25	1.25	3.75	0.0	8.37
44	130044	HUYỀN NGỌC YẾN DƯƠNG	Nữ	29/10/2009	8.70	9.30	9.00	9.10	9.03	8.00	6.25	8.25	0.0	18.46
45	130045	HUYỀN NGUYỄN LĨNH DAN	Nữ	26/01/2009	9.10	9.40	9.40	9.30	9.30	8.00	6.75	7.75	0.0	18.54
46	130046	PHAN XUÂN ĐÀO	Nữ	07/09/2009	8.50	8.10	7.60	8.10	8.08	6.25	6.00	6.25	0.0	15.37

BẢNG CHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH) ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh		
47	130047	TRẦN THỊ ĐÀO	Nữ	21/10/2009	6.30	6.20	6.80	6.80	6.53	4.25	2.50	1.50	0.0	7.73
48	130048	VÕ THỊ HỒNG ĐÀO	Nữ	19/03/2008	6.70	7.10	7.20	7.30	7.08	4.50	4.00	3.25	1.0	11.35
49	130049	BÙI THÀNH ĐẠT	Nam	05/05/2009	6.40	6.60	6.80	6.80	6.65	3.00	2.75	6.75	0.0	10.75
50	130050	ĐOÀN THÀNH ĐẠT	Nam	04/01/2009	8.50	8.30	7.30	7.30	7.85	5.00	6.75	6.50	0.0	15.13
51	130051	HỒ THANH ĐẠT	Nam	02/11/2009	7.10	7.60	6.80	7.20	7.18	3.25	3.50	3.50	0.0	9.33
52	130052	LÊ TÀN ĐẠT	Nam	09/04/2009	7.50	6.40	6.80	7.00	6.93	3.00	4.50	3.00	0.0	9.43
53	130053	LÝ TÀN ĐẠT	Nam	22/03/2009	6.50	6.20	6.20	6.30	6.30	4.00	3.75	2.25	0.0	8.89
54	130054	NGUYỄN PHÁT ĐẠT	Nam	29/10/2009	5.50	5.60	5.90	6.30	5.83	2.00	2.75	2.00	0.0	6.47
55	130055	NGUYỄN QUANG ĐẠT	Nam	18/10/2009	7.40	7.40	6.70	6.70	7.05	4.00	3.50	3.25	0.0	9.64
56	130056	PHẠM THÀNH ĐẠT	Nam	23/08/2008	6.60	6.20	6.20	6.20	6.30	4.00	1.50	2.25	0.0	7.32
57	130057	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	15/12/2009	6.90	6.20	5.70	6.20	6.25	1.50	0.50	3.25	0.0	5.55
58	130058	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	23/01/2009	8.70	7.40	7.80	8.00	7.98	5.50	6.25	2.25	0.0	12.19
59	130059	TRẦN TÀN ĐẠT	Nam	15/06/2009	6.30	6.40	5.60	6.30	6.15	3.00	0.25	3.25	0.0	6.40
60	130060	LÝ MINH DĂNG	Nam	03/10/2009	6.30	6.00	7.20	6.50	6.50	1.75	2.50	2.25	0.0	6.50
61	130061	NGUYỄN MINH DĂNG	Nam	13/01/2009	8.70	8.50	7.30	7.00	7.88	5.75	6.00	4.00	0.0	13.39
62	130062	NGUYỄN THỊ HỒNG GÀM	Nữ	09/11/2009	8.00	7.90	8.40	8.00	8.08	5.00	3.75	3.00	0.0	10.65
63	130063	NGUYỄN THỊ HỒNG GIANG	Nữ	11/11/2007	8.40	7.70	8.00	8.40	8.13	6.75	6.00	3.00	0.0	13.46
64	130064	NGUYỄN TRẦN HƯƠNG GIANG	Nữ	12/10/2009	8.90	8.40	7.90	8.10	8.33	7.00	5.25	7.00	0.0	15.97
65	130065	HÀ THỊ QUỲNH GIAO	Nữ	16/12/2009	8.40	8.50	7.60	8.10	8.15	5.25	7.50	6.75	0.0	16.09
66	130066	LÂM THANH GIÀU	Nam	18/09/2009	6.40	6.20	5.60	6.40	6.15	1.25	4.25	5.00	0.0	9.20
67	130067	NGUYỄN NGỌC GIÀU	Nam	25/09/2009	8.20	7.50	7.90	8.20	7.95	4.50	6.75	6.75	0.0	14.98
68	130068	NGUYỄN LÝ HẢI	Nam	04/06/2008	6.10	6.30	6.90	6.80	6.53	1.25	1.75	3.00	0.0	6.16
69	130069	TRẦN LÝ HẢI	Nam	19/10/2009	6.30	5.80	5.50	6.40	6.00	2.25	2.50	3.50	0.0	7.58
70	130070	ĐÀO NHƯ HẠNH	Nữ	16/11/2009	7.90	7.40	6.40	6.30	7.00	3.00	3.00	3.25	0.0	8.57

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BẢO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh		
71	130071	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	Nữ	13/02/2009	8.20	8.20	7.60	7.80	7.95	5.75	3.50	4.00	0.0	11.66
72	130072	NGUYỄN ANH Hào	Nam	18/05/2009	6.40	6.00	6.70	6.20	6.33	1.00	2.25	2.50	0.0	5.92
73	130073	NGUYỄN MINH Hào	Nam	26/09/2009	8.40	7.80	7.40	7.10	7.68	4.00	2.50	6.75	0.0	11.58
74	130074	HUYỀN KIM HANG	Nữ	03/02/2009	8.00	7.10	7.30	8.00	7.60	5.75	5.00	7.25	0.0	14.88
75	130075	TRẦN THỊ PHƯỢNG HANG	Nữ	02/05/2009	7.40	6.90	6.30	7.30	6.98	4.50	3.50	2.50	0.0	9.44
76	130076	LÝ GIA HÂN	Nữ	13/10/2009	9.20	9.10	8.80	8.60	8.93	5.25	7.25	6.25	0.0	15.80
77	130077	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	Nữ	26/07/2009	7.10	7.40	7.70	7.90	7.53	5.75	6.00	5.00	0.0	13.98
78	130078	PHAN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	03/05/2009	7.60	7.20	7.00	7.50	7.33	4.25	6.25	3.75	0.0	12.17
79	130079	TRẦN BẢO HÂN	Nữ	05/09/2009	8.70	7.70	7.90	8.20	8.13	4.75	3.25	3.50	0.0	10.49
80	130080	TRẦN BUI GIA HÂN	Nữ	12/09/2009	7.70	7.60	6.40	5.80	6.88	3.25	1.50	3.00	0.0	7.49
81	130081	TRƯƠNG BẢO HÂN	Nữ	14/09/2009	8.40	8.00	8.10	8.30	8.20	6.25	4.50	5.50	0.0	13.83
82	130082	TRƯƠNG NGỌC HÂN	Nữ	21/08/2009	8.00	7.80	7.40	7.90	7.78	5.50	4.25	4.00	0.0	11.96
83	130083	LÊ TRUNG HẬU	Nam	05/10/2009	7.20	7.30	7.90	7.40	7.45	3.50	3.75	4.25	0.0	10.28
84	130084	NGUYỄN PHÚC HẬU	Nữ	06/10/2009	8.00	7.10	6.90	6.70	7.18	5.00	3.50	4.00	0.0	10.90
85	130085	NGUYỄN PHÚC HẬU	Nam	26/09/2009	8.60	8.50	8.10	8.70	8.48	6.50	7.75	4.25	0.0	15.49
86	130086	THAI TRUNG HẬU	Nam	20/05/2009	6.40	5.80	5.80	6.80	6.20	3.00	4.00	4.00	0.0	9.56
87	130087	TRẦN THỊ NGỌC HẬU	Nữ	21/12/2009	6.90	6.60	7.40	7.10	7.00	3.25	1.75	2.25	0.0	7.18
88	130088	ĐINH NGUYỄN HUY HOÀNG	Nữ	31/07/2009	7.70	8.00	7.50	7.70	7.73	3.50	5.50	4.50	0.0	11.77
89	130089	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	08/07/2009	6.00	6.40	5.40	5.70	5.88	0.75	0.00	2.75	0.0	4.21
90	130090	LÊ VĂN HỒNG	Nam	26/04/2009	6.80	6.80	6.20	6.50	6.58	4.75	3.25	2.75	0.0	9.50
91	130091	LÊ ĐỨC HUY	Nam	25/10/2009	8.20	7.40	8.00	8.00	7.90	5.00	7.00	6.00	0.0	14.97
92	130092	LÊ MINH HUY	Nam	20/02/2009	7.50	7.50	7.10	7.70	7.45	5.25	5.00	4.00	0.0	12.21
93	130093	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	01/03/2009	9.10	8.80	8.50	8.50	8.73	6.50	5.75	5.75	0.0	15.22
94	130094	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	29/07/2009	6.90	7.30	7.30	8.00	7.38	4.25	5.00	5.50	0.0	12.54

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH) ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm UT	
95	130095	ĐỖ KIM HUYNH	Nữ	08/02/2009	6.90	7.60	6.80	6.80	7.03	3.50	2.25	3.25	0.0	8.41
96	130096	NGÔ THỊ THU HUYNH	Nữ	07/02/2009	9.50	8.90	9.30	9.20	9.23	6.50	8.00	8.25	0.0	18.69
97	130097	TRANG NGỌC HUYNH	Nữ	25/10/2009	7.30	8.20	7.50	7.90	7.73	4.75	5.25	1.75	0.0	10.54
98	130098	PHẠM HỮU QUỐC HƯNG	Nam	24/08/2009	8.30	7.70	6.80	7.00	7.45	3.75	3.25	8.75	0.0	13.26
99	130099	LÊ THANH HƯƠNG	Nữ	07/11/2009	6.70	7.20	7.20	7.20	7.08	2.75	3.25	2.75	0.0	8.25
100	130100	NGUYỄN THỊ CẨM HƯƠNG	Nữ	01/11/2009	6.50	6.50	6.70	6.60	6.58	3.50	3.00	2.75	0.0	8.45
101	130101	TRÀ THỊ THU HƯƠNG	Nữ	25/03/2009	9.10	8.50	8.80	8.80	8.80	6.00	4.25	5.00	0.0	13.32
102	130102	TRẦN NHƯỖC HY	Nữ	10/02/2009	8.90	8.30	7.60	8.10	8.23	4.25	2.75	2.50	0.0	9.12
103	130103	HỒ NGUYỄN KHA	Nam	03/06/2009	6.10	6.30	7.10	7.00	6.63	4.75	4.00	3.75	0.0	10.74
104	130104	NGUYỄN HOÀNG KHA	Nam	10/01/2009	7.00	7.10	6.10	6.40	6.65	2.25	1.00	2.25	0.0	5.85
105	130105	NGUYỄN HOÀNG KHA	Nam	21/09/2009	8.10	7.80	7.30	7.70	7.73	3.25	6.75	5.25	0.0	12.99
106	130106	NGUYỄN THÀNH KHA	Nam	21/09/2009	7.90	7.50	7.10	7.50	7.50	4.50	6.25	5.50	0.0	13.62
107	130107	ÂU BẢO KHANG	Nam	16/06/2009	8.00	7.60	7.00	7.60	7.55	4.25	5.25	5.75	0.0	12.94
108	130108	ĐÀO DUY KHANG	Nam	11/06/2009	8.20	7.80	7.90	8.00	7.98	5.00	5.25	7.00	0.0	14.47
109	130109	LƯU PHẠM HOÀNG KHANG	Nam	24/11/2009	8.30	7.80	7.90	8.90	8.23	4.75	7.50	9.00	0.0	17.34
110	130110	MAI NHỰT KHANG	Nam	04/10/2009	6.80	6.50	6.20	7.00	6.63	4.50	3.75	2.75	0.0	9.69
111	130111	NGUYỄN LÂM CHÂN KHANG	Nam	07/07/2009	8.20	7.40	8.30	8.60	8.13	6.00	8.00	7.75	0.0	17.66
112	130112	PHẠM MINH KHANG	Nam	13/04/2009	8.10	8.60	8.10	8.50	8.33	5.00	7.75	6.50	0.0	15.97
113	130113	VÕ QUỐC KHANG	Nam	01/09/2009	6.10	5.80	7.00	6.70	6.40	5.00	2.00	3.25	0.0	9.10
114	130114	PHẠM GIA KHANH	Nam	25/02/2009	7.40	6.70	6.60	6.50	6.80	3.25	3.75	2.75	0.0	8.87
115	130115	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	28/11/2008	6.00	6.40	5.90	6.30	6.15	4.00	4.00	2.50	0.0	9.20
116	130116	TRẦN QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2009	6.90	6.60	7.00	7.00	6.88	3.75	5.25	7.00	0.0	13.26
117	130117	CHÂU NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	10/01/2009	8.60	8.80	8.90	8.60	8.73	4.50	7.25	6.00	0.0	15.04
118	130118	LÊ NGUYỄN ANH KHOA	Nam	28/03/2009	7.50	7.80	7.70	8.10	7.78	7.00	7.50	4.25	0.0	15.46

BẢNG CHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BẢO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh		
119	130119	NGUYỄN HOÀNG KHƯƠNG	Nam	01/12/2009	7.60	7.30	7.90	7.10	7.48	5.00	3.00	3.75	0.0	10.47
120	130120	ĐÀO ANH KIẾT	Nam	01/01/2009	7.80	7.60	7.10	7.70	7.55	3.00	7.75	6.00	0.0	13.99
121	130121	LÊ QUỐC KIẾT	Nam	08/07/2009	7.60	7.10	7.00	7.40	7.28	4.00	6.25	3.75	0.0	11.98
122	130122	NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	11/10/2009	5.90	5.60	6.00	6.70	6.05	3.50	3.50	2.25	0.0	8.29
123	130123	VÕ HUỠNH TUẤN KIẾT	Nam	04/10/2009	6.70	5.40	6.60	7.00	6.43	4.00	4.25	4.25	0.0	10.68
124	130124	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	Nữ	26/03/2009	6.90	7.30	6.70	6.80	6.93	2.25	3.75	2.75	0.0	8.20
125	130125	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	Nữ	26/12/2009	8.00	7.50	6.70	6.70	7.23	6.00	4.25	3.75	0.0	11.97
126	130126	ĐẶNG CÔNG KỶ	Nam	02/04/2009	6.00	6.60	6.70	6.50	6.45	3.00	5.00	5.25	0.0	11.21
127	130127	LÊ NHÀ KỶ	Nữ	18/06/2009	6.80	6.70	6.00	6.30	6.45	3.00	3.75	3.75	0.0	9.28
128	130128	NGUYỄN LAN NHÀ KỶ	Nữ	21/05/2009	8.00	7.50	7.40	8.00	7.73	6.75	8.00	6.25	0.0	17.02
129	130129	HỒ PHƯƠNG LAM	Nữ	14/04/2009	8.40	7.30	7.00	7.40	7.53	5.50	2.50	2.50	0.0	9.61
130	130130	HUỶNH THỊ KIỀU LAM	Nữ	08/04/2009	7.80	7.70	7.30	7.60	7.60	6.00	3.75	4.25	0.0	12.08
131	130131	TRẦN THỊ PHƯƠNG LAM	Nữ	01/05/2009	6.80	7.60	6.60	6.90	6.98	2.75	2.75	3.50	0.0	8.39
132	130132	NGUYỄN THỊ THU LAN	Nữ	19/11/2009	6.90	6.20	6.10	6.70	6.48	2.75	1.75	2.25	0.0	6.67
133	130133	NGUYỄN THỊ LANH	Nữ	06/08/2009	8.20	8.40	8.00	8.30	8.23	6.50	6.00	6.50	0.0	15.77
134	130134	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC LÁNH	Nam	16/03/2009	6.20	6.70	6.50	6.20	6.40	4.50	1.75	2.75	0.0	8.22
135	130135	PHAN THÀNH LÂM	Nam	10/09/2009	7.10	7.50	6.90	7.10	7.15	3.00	5.25	1.50	0.0	8.97
136	130136	NGUYỄN HỮU LẬP	Nam	02/04/2009	7.80	7.40	7.60	7.80	7.65	2.75	4.75	4.00	0.0	10.35
137	130137	THÁI THỊ KHOA LÊ	Nữ	22/10/2009	7.50	6.90	7.40	7.40	7.30	3.25	2.75	2.75	0.0	8.32
138	130138	NGUYỄN NGỌC CẨM LIÊN	Nữ	16/04/2009	7.90	8.20	7.60	8.20	7.98	5.75	5.75	9.00	0.0	16.74
139	130139	NGUYỄN THỊ MAI LINH	Nữ	18/12/2009	6.50	6.90	6.40	6.70	6.63	4.75	0.00	2.25	0.0	6.89
140	130140	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	Nữ	14/03/2009	7.90	7.00	7.10	7.60	7.40	6.50	6.00	4.50	0.0	14.12
141	130141	NGUYỄN TRẦN THÚY LINH	Nữ	25/02/2009	7.60	7.70	7.20	7.20	7.43	4.75	3.00	3.25	0.0	9.93
142	130142	VÂN THỊ TRÚC LINH	Nữ	05/11/2009	7.80	7.10	7.40	7.20	7.38	4.00	3.75	2.75	0.0	9.56

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BẢO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh		
143	130143	HUYỀN HOÀNG LONG	Nam	05/06/2009	8.80	8.70	9.20	9.10	8.95	4.50	8.00	8.50	0.0	17.38
144	130144	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	24/10/2008	6.40	6.70	6.10	6.20	6.35	1.50	1.50	2.50	0.0	5.75
145	130145	VÕ THANH LONG	Nam	21/11/2009	5.70	6.10	5.70	6.50	6.00	2.25	1.50	2.75	0.0	6.35
146	130146	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC LÒNG	Nam	16/03/2009	6.00	6.50	6.50	6.20	6.30	4.00	1.25	3.25	0.0	7.84
147	130147	NGUYỄN PHÚC LỘC	Nam	29/01/2009	9.20	9.00	9.50	9.70	9.35	6.25	6.75	7.00	0.0	16.81
148	130148	TRẦN LƯU ĐẠI LỢI	Nam	25/09/2009	8.30	7.70	7.90	7.90	7.95	3.75	3.00	3.25	0.0	9.38
149	130149	VÕ THÀNH LỢI	Nam	22/10/2009	7.10	7.70	7.00	7.00	7.20	3.00	3.75	2.00	0.0	8.28
150	130150	CAO HỒ HỮU LỰC	Nam	02/02/2009	7.90	7.90	7.10	7.20	7.53	4.00	4.75	2.50	0.0	10.13
151	130151	TRẦN LÊ ĐỨC LƯƠNG	Nam	27/05/2009	6.20	5.30	5.10	5.90	5.63	2.50	3.25	4.50	0.0	8.86
152	130152	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	14/11/2009	5.60	6.00	5.40	5.70	5.68	0.50	1.00	2.75	0.0	4.68
153	130153	BÙI XUÂN MAI	Nữ	03/09/2009	7.60	8.40	7.90	8.70	8.15	6.25	4.00	3.50	0.0	12.07
154	130154	TÔ XUÂN MAI	Nữ	13/10/2009	7.70	7.60	7.60	7.50	7.60	6.50	4.25	4.25	0.0	12.78
155	130155	NGUYỄN ĐĂNG TRÚC MI	Nữ	18/04/2009	8.60	7.90	8.10	7.80	8.10	7.25	8.00	9.50	0.0	19.76
156	130156	QUÁCH ĐỖ TRÀ MI	Nữ	09/05/2009	8.00	8.40	7.60	7.60	7.90	5.25	4.25	5.00	0.0	12.52
157	130157	NGUYỄN HOÀNG TUỆ MINH	Nữ	12/08/2009	8.00	7.30	6.60	6.60	7.13	4.50	3.50	3.00	0.0	9.84
158	130158	PHẠM THẾ MINH	Nam	01/06/2009	7.00	6.60	6.20	7.30	6.78	3.25	3.75	4.75	0.0	10.26
159	130159	ĐỖ HẢI MY	Nữ	15/08/2009	7.50	6.60	7.20	7.90	7.30	4.50	5.50	7.00	0.0	14.09
160	130160	HỒ NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	29/04/2009	8.80	9.00	8.40	8.70	8.73	5.25	5.50	6.25	0.0	14.52
161	130161	HUYỀN THỊ TRÀ MY	Nữ	20/02/2009	8.10	8.20	7.50	7.90	7.93	3.50	4.00	4.50	0.0	10.78
162	130162	LÂM THỊ HOÀI MY	Nữ	15/04/2009	7.40	6.50	6.90	7.30	7.03	5.75	6.00	5.50	0.0	14.18
163	130163	LÊ THỊ DIỄM MY	Nữ	22/03/2009	6.50	6.70	6.80	7.10	6.78	4.50	5.50	2.50	0.0	10.78
164	130164	LƯƠNG THỊ TRÀ MY	Nữ	20/05/2009	7.60	8.00	8.50	8.30	8.10	6.25	5.50	3.75	0.0	13.28
165	130165	SÀ LÊ RO MI NA	Nữ	18/10/2009	7.30	7.30	7.30	7.90	7.45	5.25	5.75	5.50	1.0	14.78
166	130166	PHẠM BẢO NAM	Nam	19/02/2009	7.90	8.30	7.60	8.20	8.00	6.50	6.25	5.00	0.0	14.82

BẢNG CHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm UT	
167	130167	TRẦN HÀO NAM	Nam	07/12/2009	6.70	7.20	5.90	6.30	6.53	2.50	4.00	2.25	0.0	8.08
168	130168	TRẦN THUY NGÀ	Nữ	15/09/2009	5.60	6.80	6.20	6.40	6.25	4.25	3.50	4.50	0.0	10.45
169	130169	HUYỀN THỊ NGỌC NGÀ	Nữ	24/02/2009	8.20	8.50	8.40	8.40	8.38	6.75	8.00	6.50	0.0	17.39
170	130170	ĐẶNG THỊ KIM NGÂN	Nữ	13/10/2009	5.80	5.40	5.00	6.10	5.58	3.00	2.75	3.50	0.0	8.15
171	130171	ĐỖ THUY NGÂN	Nữ	30/06/2009	8.60	8.80	8.10	8.80	8.58	6.25	4.25	5.50	0.0	13.77
172	130172	LÊ THANH NGÂN	Nữ	22/05/2009	8.10	8.30	8.10	8.10	8.15	6.25	6.75	7.75	0.0	16.97
173	130173	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	15/03/2009	8.70	8.40	8.00	8.80	8.48	6.00	4.50	3.00	0.0	11.99
174	130174	LÊ THỊ THANH NGÂN	Nữ	02/10/2009	7.20	7.10	6.60	7.30	7.05	2.00	4.50	5.00	0.0	10.17
175	130175	LÊ THỊ THANH NGÂN	Nữ	30/07/2009	9.00	8.50	8.50	8.80	8.70	5.25	5.50	6.25	0.0	14.51
176	130176	LÝ VÕ KIM NGÂN	Nữ	24/10/2009	8.70	8.70	9.00	9.00	8.85	6.00	5.75	6.75	0.0	15.61
177	130177	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÂN	Nữ	11/09/2009	6.60	7.60	6.90	6.80	6.98	2.25	1.75	4.25	0.0	7.87
178	130178	TRẦN THỊ NGỌC NGÂN	Nữ	08/03/2009	7.40	8.60	7.90	8.10	8.00	5.25	6.25	5.25	0.0	14.12
179	130179	NGUYỄN CAO MINH NGHĨA	Nam	06/04/2009	9.30	8.70	8.70	9.00	8.93	4.75	7.00	7.50	0.0	16.15
180	130180	BÙI THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	28/05/2009	8.40	8.50	8.40	8.70	8.50	6.50	7.50	7.75	0.0	17.77
181	130181	ĐINH HOÀNG KHÁNH NGỌC	Nữ	08/11/2009	7.20	7.80	7.00	6.90	7.23	5.50	3.50	3.25	0.0	10.74
182	130182	HÀNG THỊ KHÁNH NGỌC	Nữ	19/09/2009	7.90	8.40	8.00	7.90	8.05	4.25	6.00	5.50	0.0	13.44
183	130183	LÊ TUYẾT NGỌC	Nữ	30/10/2008	5.30	5.70	5.90	5.50	5.60	3.50	0.50	2.25	0.0	6.05
184	130184	NGUYỄN HÀ HUY NGỌC	Nữ	13/02/2009	8.10	8.00	7.50	8.60	8.05	5.50	7.25	6.75	0.0	16.07
185	130185	NGUYỄN HỒNG NGỌC	Nữ	27/07/2009	7.80	7.50	7.10	7.40	7.45	1.50	3.50	4.00	0.0	8.53
186	130186	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	23/08/2009	8.30	7.20	6.10	6.70	7.08	2.50	3.25	3.50	0.0	8.60
187	130187	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	21/10/2009	8.00	7.40	7.00	7.00	7.35	4.00	1.00	2.25	0.0	7.28
188	130188	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	Nữ	02/05/2009	7.20	7.00	6.70	7.30	7.05	6.50	4.00	4.25	0.0	12.44
189	130189	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	Nữ	24/06/2009	7.60	8.00	7.50	8.20	7.83	6.75	6.75	5.00	0.0	15.30
190	130190	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	21/01/2009	6.50	6.40	5.70	6.40	6.25	6.25	3.25	4.25	0.0	11.50

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
191	130191	NGUYỄN THỊ THANH NGỌC	Nữ	02/05/2009	7.30	7.00	7.10	7.40	7.20	5.25	4.00	5.75	0.0	12.66	
192	130192	PHAN KHÁNH NGỌC	Nữ	14/10/2009	7.50	7.80	6.80	6.50	7.15	2.50	3.00	3.00	0.0	8.10	
193	130193	TRẦN THANH NGỌC	Nữ	23/03/2009	8.60	8.80	8.40	8.30	8.53	5.00	3.25	5.00	0.0	11.83	
194	130194	TRẦN THỊ MỸ NGỌC	Nữ	13/09/2009	6.30	6.30	5.50	6.60	6.18	6.25	2.50	2.00	0.0	9.38	
195	130195	VÕ THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	07/05/2009	6.10	6.40	6.80	6.60	6.48	4.50	3.50	4.00	0.0	10.34	
196	130196	LÊ THỊ BÌNH NGUYỄN	Nữ	01/12/2009	8.70	8.10	6.60	7.20	7.65	6.00	5.00	2.75	0.0	11.92	
197	130197	NGUYỄN NGỌC HẢI NGUYỄN	Nữ	10/01/2009	8.20	8.10	6.90	7.50	7.68	4.75	6.00	3.00	0.0	11.93	
198	130198	NGUYỄN QUÂN NGUYỄN	Nam	14/10/2009	5.20	6.30	6.00	6.40	5.98	3.00	3.75	3.00	0.0	8.62	
199	130199	PHẠM THAI NGUYỄN	Nam	24/06/2008	5.80	5.90	5.90	5.40	5.75	1.75	2.00	2.75	0.0	6.28	
200	130200	PHAN HỒNG NGUYỄN	Nam	08/05/2009	7.40	6.50	6.50	7.60	7.00	4.50	5.50	4.00	0.0	11.90	
201	130201	TRẦN THỊ ÁNH NGUYỄN	Nữ	18/01/2009	8.00	7.60	8.30	8.30	8.05	6.50	4.75	3.50	0.0	12.74	
202	130202	NGUYỄN VĂN HÒA NHÀ	Nam	10/04/2009	7.30	7.90	7.10	7.50	7.45	4.00	5.75	6.25	0.0	13.43	
203	130203	VÕ THÀNH NHÂN	Nam	24/02/2009	9.10	9.00	8.60	8.60	8.83	4.00	8.00	4.00	0.0	13.85	
204	130204	LÊ HOÀNG NHẬT	Nam	30/12/2009	6.40	5.60	6.80	6.80	6.40	4.00	5.25	2.75	0.0	10.32	
205	130205	LÊ THÀNH NHẬT	Nam	17/04/2009	7.10	6.80	6.80	7.60	7.08	4.75	5.00	4.75	0.0	12.27	
206	130206	HUYỀN LÊ UYÊN NHI	Nữ	27/06/2009	8.90	8.90	8.40	8.30	8.63	7.50	6.25	7.25	0.0	17.29	
207	130207	LÊ THỊ ĐÔNG NHI	Nữ	24/12/2009	6.80	6.90	6.60	6.60	6.73	5.50	3.00	2.25	0.0	9.54	
208	130208	LÊ THỊ HẠNH NHI	Nữ	22/08/2009	8.60	8.10	8.30	9.00	8.50	6.00	8.00	4.75	0.0	15.68	
209	130209	NGUYỄN THỊ YÊN NHI	Nữ	14/08/2009	6.80	6.60	6.70	7.00	6.78	5.25	3.25	1.75	0.0	9.21	
210	130210	NGUYỄN TUYẾT NHI	Nữ	28/07/2009	8.40	7.50	7.90	8.30	8.03	5.50	6.50	3.75	0.0	13.43	
211	130211	PHẠM THỊ XUÂN NHI	Nữ	23/08/2009	8.80	8.60	8.90	9.40	8.93	7.75	7.50	5.75	0.0	17.38	
212	130212	PHAN THỊ ĐÔNG NHI	Nữ	08/12/2009	7.00	6.80	6.60	7.50	6.98	4.50	3.25	4.25	0.0	10.49	
213	130213	PHAN TRẦN CẨM NHI	Nữ	04/12/2009	7.10	6.70	6.60	6.90	6.83	5.75	3.00	2.75	0.0	10.10	
214	130214	TRẦN THỊ YÊN NHI	Nữ	20/01/2009	7.80	7.50	7.40	7.50	7.55	5.25	5.50	3.00	0.0	11.89	

BẢNG CHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH) ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
215	130215	VÕ THỊ YẾN NHI	Nữ	09/03/2009	8.40	7.20	7.40	8.00	7.75	4.25	5.00	4.75	0.0	12.12	
216	130216	KIỀU ÁI NHIÊN	Nữ	03/11/2009	7.60	8.00	7.10	7.70	7.60	3.25	5.00	4.00	0.0	10.85	
217	130217	ĐOÀN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	20/06/2009	7.80	7.30	7.30	7.70	7.53	5.50	6.00	5.25	0.0	13.98	
218	130218	HUYỀN THỊ PHƯƠNG NHUNG	Nữ	21/01/2009	6.20	6.50	6.40	6.10	6.30	5.00	2.00	2.50	0.0	8.54	
219	130219	LƯƠNG THỊ MỸ NHUNG	Nữ	05/01/2009	6.80	6.60	6.60	7.40	6.85	1.75	1.50	3.00	0.0	6.43	
220	130220	ĐINH THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	18/06/2009	7.60	8.10	8.00	8.30	8.00	4.75	7.00	4.00	0.0	13.42	
221	130221	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	Nữ	02/08/2009	9.30	9.00	8.90	9.00	9.05	7.75	7.00	6.75	0.0	17.77	
222	130222	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	30/12/2009	6.90	7.40	7.50	7.60	7.35	5.50	3.00	3.50	0.0	10.60	
223	130223	NGUYỄN THÙY NHƯ	Nữ	30/09/2009	8.50	8.60	8.10	8.50	8.43	6.75	7.25	4.50	0.0	15.48	
224	130224	PHẠM THANH NHƯ	Nữ	21/02/2009	8.00	7.30	7.10	7.80	7.55	6.25	3.00	3.50	0.0	11.19	
225	130225	THÂN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	06/12/2009	8.20	8.30	8.00	8.20	8.18	6.25	5.50	4.50	0.0	13.83	
226	130226	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	27/05/2009	7.60	6.80	7.40	8.00	7.45	5.00	5.00	4.00	0.0	12.03	
227	130227	NGUYỄN MINH NHƯT	Nam	09/08/2009	7.80	7.60	7.60	8.20	7.80	5.25	5.25	5.50	0.0	13.54	
228	130228	PHAN MINH NHƯT	Nam	29/10/2009	7.10	8.00	7.00	6.90	7.25	3.50	3.50	2.75	0.0	9.00	
229	130229	NGUYỄN THỊ HẰNG Nİ	Nữ	16/02/2009	8.00	7.40	7.40	7.80	7.65	6.50	3.75	2.25	0.0	11.05	
230	130230	NGUYỄN HOÀNG TRINH NỮ	Nữ	23/04/2009	7.60	6.50	6.40	6.70	6.80	4.25	3.25	3.00	0.0	9.39	
231	130231	NGUYỄN THỊ NỮ	Nữ	05/11/2009	7.50	7.60	7.30	7.80	7.55	6.50	4.25	4.75	0.0	13.12	
232	130232	DƯƠNG THÀNH PHÁT	Nam	17/02/2009	7.20	8.10	8.00	8.20	7.88	4.75	5.75	4.50	0.0	12.86	
233	130233	LÊ NGUYỄN QUANG PHÁT	Nam	26/08/2009	6.90	7.00	6.30	7.10	6.83	5.75	5.75	3.75	0.0	12.72	
234	130234	NGÔ TÂN PHÁT	Nam	05/10/2009	7.10	7.00	6.80	7.50	7.10	4.75	3.75	2.75	0.0	10.00	
235	130235	NGUYỄN TÂN PHÁT	Nam	20/09/2009	7.20	6.60	7.10	7.00	6.98	5.25	4.75	2.50	0.0	10.84	
236	130236	NGUYỄN THÀNH PHÁT	Nam	19/04/2009	5.90	5.00	5.80	6.30	5.75	3.75	2.00	4.25	0.0	8.72	
237	130237	VÕ HUYỀN TÂN PHÁT	Nam	30/01/2009	7.80	7.70	7.40	6.80	7.43	3.75	2.50	2.75	0.0	8.53	
238	130238	HÀ CHÍ PHONG	Nam	02/11/2009	7.80	7.60	7.60	8.30	7.83	6.00	6.50	6.50	0.0	15.65	

BẢNG CHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH) ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
239	130239	LÂM NGỌC PHÚ	Nam	21/09/2009	6.80	6.80	6.50	6.30	6.60	4.50	3.00	2.50	0.0	8.98	
240	130240	NGUYỄN NGỌC KIM PHÚ	Nữ	17/01/2009	8.50	7.90	7.80	8.20	8.10	6.33	7.00	6.00	0.0	15.96	
241	130241	ĐÀNG TRẦN HOÀNG PHÚC	Nam	18/05/2009	8.40	8.70	8.20	8.60	8.48	5.00	7.50	7.25	0.0	16.37	
242	130242	NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	Nam	16/03/2009	7.50	6.70	6.90	7.00	7.03	4.25	4.25	4.50	0.0	11.21	
243	130243	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	23/01/2009	8.50	8.30	8.00	8.40	8.30	7.00	7.75	7.00	0.0	17.72	
244	130244	NGUYỄN MINH PHÚC	Nam	11/09/2009	8.40	8.60	8.30	8.80	8.53	7.00	6.50	6.25	0.0	16.38	
245	130245	HÀ NGỌC PHỤNG	Nữ	01/10/2009	8.00	8.40	8.30	8.60	8.33	7.25	4.25	4.50	0.0	13.70	
246	130246	ĐÀO HỮU PHƯỚC	Nam	22/11/2009	6.80	7.70	7.00	7.30	7.20	5.25	4.00	3.00	0.0	10.73	
247	130247	LÊ MINH PHƯỚC	Nam	15/11/2009	9.00	8.60	8.70	8.90	8.80	5.00	6.25	8.00	0.0	16.12	
248	130248	HUYỀN CHI PHƯƠNG	Nam	13/01/2009	8.00	8.10	8.20	8.50	8.20	3.75	7.75	3.00	0.0	12.61	
249	130249	TRẦN PHAN NHÀ PHƯƠNG	Nữ	15/12/2009	9.20	8.90	8.70	9.00	8.95	5.25	6.25	6.75	0.0	15.46	
250	130250	TÙ NGUYỄN THỦY PHƯƠNG	Nữ	09/03/2009	7.30	7.80	7.50	7.80	7.60	3.75	5.00	3.75	0.0	11.03	
251	130251	BÙI NGỌC QUỲ	Nam	02/03/2009	6.70	7.20	6.50	7.00	6.85	4.50	5.50	2.50	0.0	10.80	
252	130252	NGUYỄN TRUNG QUỲ	Nam	07/09/2009	6.60	5.80	5.80	6.30	6.13	4.00	2.25	2.75	0.0	8.14	
253	130253	TRẦN ANH QUỲ	Nam	10/12/2009	8.20	7.10	6.80	6.70	7.20	5.25	2.75	5.50	0.0	11.61	
254	130254	NGUYỄN PHÚ QUỲ	Nam	27/07/2009	8.20	8.50	8.30	8.50	8.38	6.50	6.75	7.00	0.0	16.69	
255	130255	DƯƠNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	05/07/2009	8.50	8.20	8.40	8.30	8.35	5.75	5.50	6.75	0.0	15.11	
256	130256	LÊ NGUYỄN KHÁ QUỲNH	Nữ	19/08/2009	8.90	8.80	8.40	8.60	8.68	4.00	6.25	5.25	0.0	13.45	
257	130257	TRẦN NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	20/12/2009	7.30	7.20	6.80	6.80	7.03	5.00	3.25	5.00	0.0	11.38	
258	130258	APTO RAMAL	Nam	29/11/2008	5.30	5.20	5.40	5.60	5.38	2.75	1.00	3.00	1.0	7.34	
259	130259	MAD FA RIS	Nam	11/04/2009	5.90	5.40	5.60	6.60	5.88	2.00	4.25	3.00	1.0	9.24	
260	130260	TRẦN DIỄM SANG	Nữ	13/01/2009	8.90	8.70	8.90	9.00	8.88	7.25	5.75	3.75	0.0	14.39	
261	130261	BÙI PHÁT TÀI	Nam	22/08/2009	7.70	8.00	7.40	7.50	7.65	2.75	3.50	2.75	0.0	8.60	
262	130262	NGUYỄN THÀNH TÀI	Nam	09/04/2009	7.00	7.40	6.90	6.90	7.05	2.25	3.25	2.50	0.0	7.72	

BẢNG CHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm UT	
263	130263	VI ĐỨC TÀI	Nam	15/10/2009	7.70	7.10	6.70	6.20	6.93	3.50	4.50	2.75	0.0	9.60
264	130264	NGUYỄN TRẦN MINH TĂNG	Nam	30/04/2009	7.00	7.10	6.20	7.40	6.93	4.25	3.75	3.25	0.0	9.95
265	130265	VÕ HOÀNG TÂN	Nam	27/03/2009	6.60	6.30	6.50	6.90	6.58	4.00	4.75	4.00	0.0	10.90
266	130266	HUYỀN PHƯỚC TÂN	Nam	12/02/2009	7.10	7.30	6.90	6.60	6.98	3.75	3.75	2.75	0.0	9.27
267	130267	LÊ TRẦN NHẬT THÁI	Nam	02/07/2009	8.10	7.60	7.30	7.00	7.50	3.75	3.75	3.50	0.0	9.95
268	130268	NGUYỄN ĐỨC BÌNH THÁI	Nam	07/09/2009	7.30	6.60	6.70	7.00	6.90	3.00	5.50	4.75	0.0	11.35
269	130269	PHAN QUỐC THÁI	Nam	23/04/2009	8.80	8.40	8.60	8.70	8.63	7.25	5.50	8.00	0.0	17.11
270	130270	TRƯƠNG QUỐC THÁI	Nam	27/07/2009	6.60	6.70	6.20	6.60	6.53	3.50	2.75	3.00	0.0	8.43
271	130271	LÊ CHÂU THANH	Nam	02/01/2009	7.80	6.90	7.00	8.10	7.45	3.25	6.00	2.75	0.0	10.63
272	130272	THAI NGUYỄN PHÚC THANH	Nữ	06/03/2009	8.70	8.50	8.50	8.70	8.60	4.75	6.50	6.25	0.0	14.83
273	130273	PHẠM NGỌC QUÝ THÀNH	Nam	24/08/2009	7.40	7.30	7.70	8.00	7.60	4.00	5.75	3.25	0.0	11.38
274	130274	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	21/12/2009	6.50	5.30	5.70	6.10	5.90	1.25	0.50	2.25	0.0	4.57
275	130275	VŨ NGỌC THẢO	Nữ	05/12/2009	7.80	7.60	7.50	8.10	7.75	5.50	3.75	4.25	0.0	11.77
276	130276	NGUYỄN THỊ NGỌC THÂM	Nữ	29/06/2009	7.50	6.30	7.00	7.10	6.98	6.00	4.75	4.75	0.0	12.94
277	130277	LÊ QUỐC THĂNG	Nam	17/01/2009	8.00	7.40	7.40	7.30	7.53	5.25	4.75	3.00	0.0	11.36
278	130278	DƯƠNG NGỌC THỊ	Nữ	06/07/2009	7.10	6.80	6.60	7.20	6.93	4.00	2.00	2.75	0.0	8.20
279	130279	NGUYỄN QUỲNH BẢO THỊ	Nữ	13/04/2009	8.90	8.60	8.50	9.00	8.75	4.92	7.00	7.00	0.0	15.87
280	130280	NGUYỄN QUỐC THỊNH	Nam	12/11/2009	6.30	6.00	5.70	6.30	6.08	2.75	3.75	2.50	0.0	8.12
281	130281	NGUYỄN QUỐC THỊNH	Nam	20/01/2009	6.20	5.90	6.40	6.80	6.33	4.25	5.50	3.75	0.0	11.35
282	130282	NGUYỄN HỮU THO	Nam	14/07/2009	8.10	6.70	6.70	7.10	7.15	5.75	3.50	4.75	0.0	11.95
283	130283	NGUYỄN THỊ KIM THOA	Nữ	09/11/2009	6.00	6.70	6.80	6.70	6.55	3.75	4.00	3.75	0.0	10.02
284	130284	PHAN VIỆT THÔNG	Nam	12/01/2009	7.70	6.70	6.90	6.60	6.98	4.25	5.50	2.00	0.0	10.32
285	130285	TRƯƠNG TÂN THÔNG	Nam	04/08/2009	7.80	7.50	7.00	7.70	7.50	6.75	4.00	6.25	0.0	14.15
286	130286	HÀ BÉ THO	Nữ	26/08/2009	5.70	7.00	6.10	6.40	6.30	2.75	0.00	2.75	0.0	5.74

BẢNG CHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh		
287	130287	LƯƠNG THỊ THIÊN THO	Nữ	19/04/2009	7.30	7.20	6.70	6.70	6.98	3.75	3.25	4.00	0.0	9.79
288	130288	NGUYỄN MỘNG THU	Nữ	17/05/2009	6.50	7.10	6.20	6.20	6.50	2.75	2.75	3.00	0.0	7.90
289	130289	ĐÀNG VĂN THUẬN	Nam	29/10/2009	7.80	6.90	7.50	8.00	7.55	4.75	5.50	3.25	0.0	11.72
290	130290	VÕ MINH THUẬN	Nam	21/02/2009	8.80	8.60	7.90	7.50	8.20	6.75	6.75	4.75	0.0	15.23
291	130291	TÀ THỊ MINH THUY	Nữ	06/10/2009	6.30	6.50	6.00	7.10	6.48	5.25	3.50	3.50	0.0	10.52
292	130292	NGUYỄN HOÀNG MINH THUY	Nữ	06/03/2009	9.40	9.60	9.40	9.50	9.48	7.75	6.00	6.00	0.0	16.67
293	130293	PHẠM NGỌC PHƯƠNG THUY	Nữ	15/10/2009	8.30	7.60	8.60	8.80	8.33	6.50	8.00	8.25	0.0	18.42
294	130294	ĐÀM ANH THUY	Nữ	29/05/2009	7.10	6.70	6.10	6.40	6.58	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	1.97
295	130295	LÊ HOÀNG ANH THUY	Nữ	30/05/2009	7.00	7.70	7.90	8.40	7.75	6.50	5.00	2.75	0.0	12.30
296	130296	NGUYỄN ANH THUY	Nữ	29/04/2009	8.40	8.40	7.90	7.50	8.05	4.75	5.75	3.50	0.0	12.22
297	130297	NGUYỄN LÊ ANH THUY	Nữ	28/01/2009	8.10	8.70	8.50	8.60	8.48	7.00	7.50	3.50	0.0	15.14
298	130298	NGUYỄN MINH THUY	Nữ	23/10/2009	5.40	5.70	5.00	5.70	5.45	3.75	1.25	2.75	0.0	7.06
299	130299	NGUYỄN NGỌC ANH THUY	Nữ	08/09/2009	8.90	8.90	8.80	9.10	8.93	7.50	8.00	8.25	0.0	19.30
300	130300	NGUYỄN NGỌC ANH THUY	Nữ	09/05/2009	7.90	8.20	7.90	7.60	7.90	4.25	7.75	4.00	0.0	13.57
301	130301	NGUYỄN NGỌC MINH THUY	Nữ	28/01/2009	7.10	7.00	6.40	6.70	6.80	7.00	2.25	4.50	0.0	11.67
302	130302	NGUYỄN PHẠM ANH THUY	Nữ	14/11/2009	8.60	8.40	8.50	8.80	8.58	8.75	7.00	6.25	0.0	17.97
303	130303	NGUYỄN TRẦN ANH THUY	Nữ	22/11/2009	8.00	7.60	6.70	6.80	7.28	7.00	3.25	4.25	0.0	12.33
304	130304	PHẠM MINH THUY	Nữ	22/05/2009	8.70	8.30	8.30	8.50	8.45	7.00	6.50	6.50	0.0	16.53
305	130305	PHẠM THỊ ANH THUY	Nữ	15/02/2009	8.10	8.00	7.50	7.20	7.70	7.00	3.75	3.75	0.0	12.46
306	130306	PHAN ANH THUY	Nữ	01/05/2009	8.60	9.20	8.80	9.00	8.90	7.00	6.00	5.25	0.0	15.44
307	130307	TRẦN THỊ KIM THUY	Nữ	11/05/2009	8.50	8.40	7.90	8.20	8.25	6.75	6.00	4.75	0.0	14.72
308	130308	VÕ ANH THUY	Nữ	19/09/2009	7.40	6.40	7.00	7.70	7.13	7.00	4.50	4.75	0.0	13.51
309	130309	VŨ THỊ THANH THUY	Nữ	24/02/2009	7.30	6.60	5.60	5.80	6.33	5.25	4.50	5.50	0.0	12.57
310	130310	BỒ HOÀNG THỨC	Nam	10/11/2009	7.30	6.80	6.90	7.10	7.03	5.50	5.00	3.00	0.0	11.56

BẢNG CHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh		
311	130311	NGUYỄN MINH THỨC	Nam	15/11/2009	6.50	6.60	5.80	6.60	6.38	2.25	5.25	4.75	0.0	10.49
312	130312	LÊ NGỌC HOÀI THƯƠNG	Nữ	20/08/2009	5.30	5.60	6.10	6.80	5.95	5.50	3.50	2.50	0.0	9.83
313	130313	PHẠM DƯƠNG HOÀI THƯƠNG	Nữ	25/04/2009	7.10	7.30	7.30	7.10	7.20	4.00	2.75	2.75	0.0	8.81
314	130314	ĐÀO THỊ BẢO THY	Nữ	28/05/2009	5.50	6.10	6.00	6.20	5.95	1.50	3.25	3.00	0.0	7.21
315	130315	ĐINH NGUYỄN MAI THY	Nữ	30/04/2009	6.70	6.80	6.00	6.80	6.58	3.25	3.50	2.00	0.0	8.10
316	130316	NGUYỄN NGỌC DIỄM THY	Nữ	13/11/2009	8.00	8.50	7.80	8.30	8.15	5.50	6.25	5.50	0.0	14.52
317	130317	TRẦN KHÁNH THY	Nữ	14/11/2009	7.90	7.10	6.50	6.80	7.08	2.75	2.25	2.75	0.0	7.55
318	130318	LÊ NGUYỄN CẨM TIỀN	Nữ	25/05/2009	6.40	6.30	6.50	6.30	6.38	1.75	3.25	2.25	0.0	6.99
319	130319	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	Nữ	07/03/2009	7.30	6.50	6.30	6.40	6.63	2.75	0.25	1.50	0.0	5.14
320	130320	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	Nữ	09/04/2009	7.90	7.80	7.70	8.10	7.88	6.00	3.50	6.25	0.0	13.39
321	130321	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	Nữ	30/07/2009	7.00	6.90	7.00	7.10	7.00	4.00	3.25	4.25	0.0	10.15
322	130322	LÝ VĂN TIỀN	Nam	11/07/2009	7.00	6.20	6.30	7.00	6.63	4.75	3.75	1.50	0.0	8.99
323	130323	TRƯƠNG THANH TIỀN	Nam	22/07/2009	6.80	6.10	6.10	7.20	6.55	4.50	3.75	2.00	0.0	9.14
324	130324	HỒ THỊ THANH TIỀN	Nữ	27/05/2009	8.00	7.80	7.30	6.50	7.40	1.50	3.50	2.75	0.0	7.65
325	130325	LÊ THỊ MỸ TIỀN	Nữ	09/05/2009	8.00	8.20	8.20	8.10	8.13	5.00	3.75	3.25	0.0	10.84
326	130326	NGUYỄN VĂN TIỀN	Nam	16/09/2009	7.60	7.30	6.20	6.50	6.90	4.00	1.75	4.25	0.0	9.07
327	130327	ĐOÀN TRUNG TÍN	Nam	09/01/2009	8.00	7.40	6.40	5.60	6.85	0.75	2.00	2.25	0.0	5.55
328	130328	NGUYỄN TRƯỜNG TÍNH	Nam	18/02/2009	7.20	7.30	6.80	7.40	7.18	6.25	3.75	3.50	0.0	11.60
329	130329	THÁI MINH TOÀN	Nam	17/06/2009	7.50	6.60	6.00	5.90	6.50	3.75	1.50	2.75	0.0	7.55
330	130330	TRẦN LÊ HOÀNG TOÀN	Nam	09/12/2009	8.00	7.10	7.30	8.00	7.60	5.00	6.00	6.25	0.0	14.35
331	130331	NGUYỄN MINH TỐI	Nam	09/03/2009	7.30	7.30	6.70	6.70	7.00	3.50	0.25	3.50	0.0	7.18
332	130332	PHẠM THỊ THUY TRANG	Nữ	06/06/2009	7.40	6.40	6.00	6.60	6.60	4.50	3.00	3.50	0.0	9.68
333	130333	HỒ THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	19/03/2009	6.80	6.70	6.60	6.60	6.68	4.50	3.50	2.50	0.0	9.35
334	130334	LÊ NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	22/02/2009	8.40	8.00	8.10	8.30	8.20	7.00	5.50	4.25	0.0	14.18

BẢNG CHỈ ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH) ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh		
335	130335	MAI VÕ NGỌC TRÂM	Nữ	04/05/2009	9.50	9.00	9.00	8.90	9.10	8.25	8.00	7.75	0.0	19.53
336	130336	NGUYỄN BÍCH TRÂM	Nữ	09/05/2009	8.40	8.70	8.60	8.70	8.60	5.00	5.25	3.00	0.0	11.86
337	130337	TRẦN QUỲNH TRÂM	Nữ	03/06/2009	9.10	8.40	8.50	8.80	8.70	3.75	5.50	4.75	0.0	12.41
338	130338	VÕ THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	11/05/2009	8.00	7.30	7.00	7.50	7.45	5.25	4.75	3.00	0.0	11.33
339	130339	HUỖNH THỊ BẢO TRẦN	Nữ	11/08/2009	7.60	7.50	7.20	7.80	7.53	4.00	5.50	5.50	0.0	12.76
340	130340	NGÔ THỊ BẢO TRẦN	Nữ	17/11/2009	7.00	6.60	7.00	7.20	6.95	3.75	4.25	2.50	0.0	9.43
341	130341	NGÔ TRẦN TRẦN	Nữ	17/01/2009	7.40	7.30	7.90	8.20	7.70	6.00	4.50	3.75	0.0	12.28
342	130342	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	Nữ	27/01/2009	6.90	7.40	6.50	6.60	6.85	2.50	4.25	3.25	0.0	9.05
343	130343	TRẦN LÊ BẢO TRẦN	Nữ	26/02/2009	8.00	7.80	8.10	8.40	8.08	4.75	7.00	4.50	0.0	13.80
344	130344	LÊ THÀNH TRÍ	Nam	24/03/2009	7.60	7.40	7.40	7.10	7.38	2.50	4.25	5.00	0.0	10.44
345	130345	NGUYỄN CAO MINH TRÍ	Nam	06/04/2009	9.20	8.60	9.10	9.20	9.03	6.75	8.00	9.50	0.0	19.68
346	130346	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	10/02/2009	6.50	6.20	5.40	5.00	5.78	0.50	2.25	2.00	0.0	5.06
347	130347	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	26/08/2009	8.20	7.10	6.60	7.10	7.25	2.25	3.75	3.75	0.0	9.00
348	130348	PHẠM MINH TRÍ	Nam	13/03/2009	5.60	5.80	5.40	5.40	5.55	2.00	3.00	2.25	0.0	6.74
349	130349	LÊ NGỌC TRIẾT	Nam	27/11/2009	7.90	7.80	7.30	7.20	7.55	5.00	4.75	3.25	0.0	11.37
350	130350	NGUYỄN NHẬT HẢI TRIỀU	Nữ	06/11/2009	8.00	7.60	7.70	7.90	7.80	5.00	3.75	5.00	0.0	11.97
351	130351	NGUYỄN VĂN TRIỆU	Nam	28/08/2009	6.40	6.30	6.10	6.70	6.38	4.75	2.50	2.00	0.0	8.39
352	130352	NGUYỄN THỊ TỎ TRINH	Nữ	28/11/2009	7.20	6.90	6.20	6.70	6.75	3.25	3.25	3.00	0.0	8.68
353	130353	NGUYỄN VĂN TRÔNG	Nam	28/10/2009	7.30	8.20	7.20	7.50	7.55	3.75	3.50	3.75	0.0	9.97
354	130354	TRẦN HOÀNG TRÔNG	Nam	25/11/2009	5.90	7.00	6.30	7.30	6.63	4.00	6.00	2.25	0.0	10.56
355	130355	ĐẶNG THANH TRÚC	Nữ	12/04/2009	7.40	7.40	7.40	8.80	7.75	5.50	6.00	6.25	0.0	14.75
356	130356	ĐẶNG THỊ HỒNG TRÚC	Nữ	21/02/2009	7.00	7.30	7.30	7.60	7.30	4.75	5.00	2.75	0.0	10.94
357	130357	MAI THỊ THANH TRÚC	Nữ	05/03/2009	6.90	6.40	5.90	6.40	6.40	2.75	4.25	1.75	0.0	8.05
358	130358	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	13/08/2009	6.90	6.90	6.70	6.70	6.80	3.50	3.00	2.50	0.0	8.34

BẢNG CHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH) ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh		
359	130359	NGUYỄN THANH TRÚC	Nam	17/10/2009	7.10	6.60	7.10	6.90	6.93	1.50	4.00	3.75	0.0	8.55
360	130360	NGUYỄN THỦY TRÚC	Nữ	27/07/2009	7.00	7.20	6.70	6.80	6.93	5.25	1.25	3.50	0.0	9.08
361	130361	NGUYỄN VÕ HOÀNG TRÚC	Nữ	11/02/2009	7.90	7.30	7.50	7.60	7.58	5.00	4.75	5.25	0.0	12.77
362	130362	PHẠM THỊ THANH TRÚC	Nữ	18/10/2009	9.20	9.20	9.20	9.40	9.25	7.25	6.00	7.00	0.0	16.95
363	130363	PHẠM THỊ THANH TRÚC	Nữ	22/11/2009	8.50	7.80	7.80	8.30	8.10	6.75	8.00	7.25	0.0	17.83
364	130364	PHAN THANH TRÚC	Nữ	03/12/2009	7.30	6.70	5.60	5.50	6.28	2.75	1.00	2.75	0.0	6.43
365	130365	TRƯỜNG THỊ THANH TRÚC	Nữ	06/11/2009	9.20	8.50	8.60	8.80	8.78	6.00	7.50	7.25	0.0	17.16
366	130366	VÕ NGỌC NHÀ TRÚC	Nữ	12/10/2009	8.90	8.40	8.20	8.30	8.45	5.75	8.00	5.25	0.0	15.83
367	130367	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	Nam	03/02/2009	9.10	8.20	8.40	8.30	8.50	6.75	9.00	8.00	0.0	19.18
368	130368	PHẠM QUỐC TRUNG	Nam	25/11/2009	8.80	8.60	8.00	8.80	8.55	6.50	6.25	3.75	0.0	14.12
369	130369	TRẦN THÀNH TRUNG	Nam	09/10/2009	7.80	8.10	7.80	7.70	7.85	4.75	6.25	4.75	0.0	13.38
370	130370	TRẦN LÊ TRUNG TRÚC	Nam	15/09/2009	6.10	6.60	6.90	6.70	6.58	4.25	3.00	3.50	0.0	9.50
371	130371	NGUYỄN CÔNG TỬ	Nam	21/10/2008	5.30	5.60	5.20	5.50	5.40	2.25	0.00	2.25	0.0	4.77
372	130372	JOSEPH NGUYỄN TUẤN	Nam	23/07/2009	8.00	7.50	7.40	8.70	7.90	7.00	7.00	5.25	1.0	16.85
373	130373	LÊ THANH TÙNG	Nam	26/04/2009	7.30	6.50	6.90	7.40	7.03	5.75	5.25	1.00	0.0	10.51
374	130374	LÊ THỊ PHƯƠNG TUYẾN	Nữ	08/03/2009	7.70	8.10	8.30	8.60	8.18	6.00	4.00	2.25	0.0	11.03
375	130375	NGUYỄN BÍCH TUYẾN	Nữ	12/05/2009	6.70	7.30	6.70	6.30	6.75	3.75	2.50	2.50	0.0	8.15
376	130376	NGUYỄN CHÂU THANH TUYẾN	Nữ	04/10/2009	7.80	7.10	7.80	8.40	7.78	5.00	6.00	4.25	0.0	13.01
377	130377	PHAN KIM TUYẾN	Nữ	08/09/2009	9.60	9.40	9.00	9.20	9.30	6.75	7.25	8.00	0.0	18.19
378	130378	TẠ THỊ THANH TUYẾN	Nữ	04/11/2009	9.20	9.00	8.70	9.00	8.98	7.00	8.00	5.00	0.0	16.69
379	130379	TÔ THANH TUYẾN	Nữ	23/11/2009	7.70	7.70	7.60	8.20	7.80	4.00	5.50	3.25	0.0	11.27
380	130380	VÕ THỊ MỘNG TUYẾN	Nữ	11/07/2009	8.00	6.40	5.80	6.30	6.63	5.75	2.50	5.00	0.0	11.26
381	130381	LÂM THỊ CÁT TƯỜNG	Nữ	21/06/2009	7.00	6.40	6.20	6.70	6.58	6.00	2.00	4.25	0.0	10.55
382	130382	TRẦN HOA BẢO UYÊN	Nữ	05/02/2009	8.40	7.90	7.60	7.20	7.78	3.75	4.25	2.75	0.0	9.86

BẢNG CHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm UT	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh			
383	130383	NGUYỄN QUỐC VĂN	Nam	22/12/2009	8.50	8.30	7.40	7.20	7.85	3.00	3.00	4.00	0.0	9.35	
384	130384	HUYỀN NHẬT KHÁNH VĂN	Nữ	07/09/2009	8.90	8.10	8.40	8.60	8.50	6.00	5.25	6.50	0.0	14.98	
385	130385	LÝ AI VĂN	Nữ	03/12/2009	6.80	6.50	6.70	6.70	6.68	3.75	1.50	3.00	0.0	7.78	
386	130386	NGÔ THỊ THANH VĂN	Nữ	02/04/2009	8.10	8.30	7.70	7.80	7.98	7.25	7.00	5.50	0.0	16.22	
387	130387	PHẠM THỊ BÍCH VĂN	Nữ	19/08/2009	6.60	7.10	6.80	6.70	6.80	2.50	0.25	2.50	0.0	5.72	Liên
388	130388	TRINH MẬU VĂN	Nam	19/08/2007	8.40	8.10	8.30	8.80	8.40	6.25	4.75	5.75	1.0	15.24	
389	130389	TRƯƠNG THỊ TƯỜNG VI	Nữ	30/03/2009	7.30	6.60	6.30	7.10	6.83	5.00	2.50	2.50	0.0	9.05	
390	130390	TRẦN TUẤN VIỆT	Nam	05/03/2009	7.80	7.70	6.60	6.70	7.20	4.50	2.00	2.25	0.0	8.28	
391	130391	TRẦN CÔNG VINH	Nam	30/07/2009	8.10	7.90	7.00	7.10	7.53	6.00	4.25	4.50	0.0	12.58	
392	130392	LÊ TRƯỜNG VŨ	Nam	18/04/2009	6.00	5.80	6.70	6.70	6.30	2.00	3.00	2.75	0.0	7.32	
393	130393	TRẦN HOÀNG VŨ	Nam	17/01/2009	5.90	7.20	6.20	7.20	6.63	5.50	3.50	3.50	0.0	10.74	
394	130394	TRẦN THANH VŨ	Nam	19/09/2009	5.80	6.30	6.80	6.50	6.35	3.00	3.00	2.25	0.0	7.68	
395	130395	NGUYỄN TIẾN VƯƠNG	Nam	16/12/2009	8.80	8.00	8.00	7.70	8.13	6.25	5.75	9.00	0.0	17.14	
396	130396	ĐẶNG PHƯƠNG VY	Nữ	12/07/2009	7.60	6.80	7.10	7.20	7.18	3.50	3.50	2.25	0.0	8.63	
397	130397	ĐẶNG TRIỆU VY	Nữ	27/04/2009	8.10	7.20	6.70	7.10	7.28	3.50	3.75	4.00	0.0	10.06	
398	130398	HUYỀN THẢO VY	Nữ	06/07/2009	7.50	7.50	6.70	6.60	7.08	2.75	1.75	3.00	0.0	7.37	
399	130399	NGUYỄN HÀ THẢO VY	Nữ	13/06/2009	8.80	9.00	9.00	9.20	9.00	6.25	4.50	4.50	0.0	13.38	
400	130400	NGUYỄN NGỌC THẢO VY	Nữ	25/04/2009	7.30	6.30	5.50	6.10	6.30	4.25	3.25	2.75	0.0	9.07	
401	130401	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	09/01/2009	8.80	8.40	8.30	8.20	8.43	5.25	4.75	4.00	0.0	12.33	
402	130402	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	17/06/2009	8.00	7.50	7.70	7.60	7.70	5.25	6.50	8.00	0.0	16.13	
403	130403	NGUYỄN THẢO VY	Nữ	27/05/2009	8.60	9.00	8.40	8.30	8.58	7.00	6.00	5.50	0.0	15.52	
404	130404	NGUYỄN THUY MINH VY	Nữ	03/11/2009	8.10	8.20	8.10	8.80	8.30	4.75	4.50	2.50	0.0	10.72	
405	130405	PHẠM NGỌC THẢO VY	Nữ	12/07/2009	8.60	8.30	7.90	8.10	8.23	6.00	3.75	5.50	0.0	13.14	
406	130406	PHAN THỊ HOÀNG VY	Nữ	26/08/2009	6.80	7.30	6.30	6.30	6.68	2.75	2.25	3.00	0.0	7.60	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BẢO DANH)

ĐIỂM THI: THPT TÂN HƯNG

STT	SBD	Họ tên	GT	Ngày sinh	Kết quả học lực					Điểm thi			Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm UT	
407	130407	TRẦN THẢO PHƯƠNG VY	Nữ	02/03/2009	7.60	7.20	6.50	6.60	6.98	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	2.09
408	130408	VÕ THỊ TƯỜNG VY	Nữ	05/01/2009	7.60	8.00	8.00	8.00	7.90	4.25	3.75	3.00	0.0	10.07
409	130409	LÂM ĐẠI VỸ	Nam	22/02/2009	9.20	9.20	8.80	8.80	9.00	4.75	6.75	9.00	0.0	17.05
410	130410	TRẦN GIA VỸ	Nam	31/12/2009	8.70	8.20	7.70	8.10	8.18	6.00	5.50	2.50	0.0	12.25
411	130411	ĐẶNG NGỌC NHƯ Ý	Nữ	11/04/2009	8.60	7.30	7.40	8.30	7.90	6.25	7.00	5.25	0.0	15.32
412	130412	TRẦN THỊ NHƯ Ý	Nữ	19/09/2009	9.10	8.60	8.10	8.70	8.63	7.00	6.50	5.50	0.0	15.89
413	130413	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	Nữ	05/11/2009	7.80	6.30	6.90	7.50	7.13	5.00	3.25	3.75	0.0	10.54
414	130414	VÕ HOÀNG YẾN	Nữ	30/01/2009	9.30	8.60	8.90	9.00	8.95	7.75	8.00	8.50	0.0	19.66

Cán bộ in

Cán bộ soát điểm

Vũ Thái

Võ Thủy Trang

Nguyễn Văn Phước
(Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)



Tập 1 - Ngày 15 tháng 6 năm 2024